

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2017/HNGĐ

Ngày 03/ 8 /2017

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Dũng.*

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Tô Đình Trị.**

+ Bà **Trần Thị Xuân Tiên.**

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2017 về việc “**Xin ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐ-TA ngày 16.6.2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Phượng H**, sinh năm 1995. (Có mặt).

Trú tại: Tổ 7, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

- *Bị đơn:* Ông **Lê Ngọc P**, sinh năm 1994. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú tại: Tổ 5, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Phượng H trình bày:*

Bà và ông Lê Ngọc P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và kết hôn vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng ông, bà sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi đánh đập bà. Bà đã một lần gửi đơn đến TAND huyện T để xin ly hôn, nhưng ông P hứa sẽ thay đổi nên bà đã cho ông P cơ hội để sửa chữa nên vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, ông P vẫn không thay đổi gì, vẫn uống rượu rồi đánh đuổi vợ con, không lo làm ăn, vợ chồng ly thân gần một năm nay. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà xin được ly hôn với ông Lê Ngọc P.

Về con chung: Bà H và ông P có một con chung tên là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 28.5.2013. Nguyên vọng của bà H là xin được nuôi con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có.

- *Bị đơn ông Lê Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 17/2/2017, ông P trình bày:*

Ông không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì .

Về con chung: Vợ chồng ông có một con chung là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2013. Ông không có nguyện vọng được nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:*

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật đảm bảo cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, thực hiện việc hòa giải và giải quyết vụ án theo đúng quy định. Đối với nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ theo quy định pháp luật, về phía bị đơn sau khi làm việc với Tòa án vào ngày 17.02.2017, bị đơn không chấp hành các thông báo của Tòa án và không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa ngày 14/7/2017 và phiên tòa hôm nay. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng pháp luật.

Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, thì thấy cuộc sống chung của ông P và bà H hiện nay không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H xin ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận. Đối với con chung là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2013 cần xem xét giao cho bà H nuôi vì cháu là con gái và hiện đang ở với bà H ổn định, hơn nữa ông P không có nguyện vọng nuôi con. Đồng thời buộc ông P cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Do cả hai bên khai không có nên không xem xét.

Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật HNGĐ năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H và giao con chung là Lê Thị Bảo T cho bà H nuôi.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Ngọc P là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng ông P vẫn vắng mặt trong các lần hòa giải cũng như phiên tòa ngày 14/7/2017 và phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lê Ngọc P là đúng pháp luật .

[2]Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Phượng H và ông Lê Ngọc P kết hôn năm 2006 hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông, bà đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp, ông P không lo làm ăn, hay rượu chè nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, bản thân bà H có những lời nói thiếu tôn trọng chồng và gia đình chồng, nên ông P nhiều lần đánh bà H. Bà H và ông P đã sống ly thân gần một năm, hai bên đều không có trách nhiệm lo lắng và chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông P và bà H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà H xin ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

[3]Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phụng H và ông Lê Ngọc P có một con chung là Lê Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2013. Tại bản trình bày và tại phiên Tòa bà H yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, còn ông P không có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của bà H là có căn cứ pháp luật nên xử giao con chung Lê Thị Bảo T cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Phụng H yêu cầu ông Lê Ngọc P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Mức cấp dưỡng trên là quá cao, do đó HĐXX chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng là 650.000 đồng, bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu hiện nay.

Ông P có quyền gặp gỡ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5]Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông P đều khai không có nên HĐXX không xem xét.

[6]Về án phí: Xử buộc bà Nguyễn Thị Phụng H và ông Lê Ngọc P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Phụng H, cho bà Nguyễn Thị Phụng H và ông Lê Ngọc P ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị Phụng H nuôi con chung Lê Thị Bảo T, sinh ngày 28/5/2013 đến 18 tuổi trưởng thành.

- Buộc ông Lê Ngọc P nộp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị Phụng H để bà H nuôi cháu T, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng từ ngày 1/8/2017

- Ông P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Án phí HNGĐ.ST: Xử buộc bà Nguyễn Thị Phụng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) án phí LHST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0020150 ngày 17/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Xử buộc ông Lê Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên, đóng dấu)

Trần Mạnh Dũng